

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 46/2019/HS-PT

Ngày: 27-12-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn

Các thẩm phán: Ông Phạm Quốc Hưng

Bà Nguyễn Thị Dụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 72/2019/TLPT-PT ngày 31/10/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, Tô ThA H2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B

**. Các bị cáo kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị ThA H, sinh năm 1972 tại Hòa B

Nơi cư trú: tổ 12, pH1 Tân Thịnh, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B; Nghề nghiệp: nguyên bác sỹ, trưởng khoa sơ sinh BVĐK tỉnh Hòa B; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: không.

Con ông: Nguyễn Phùng N (đã chết); con bà Nguyễn Thị D; có chồng là Nguyễn Ngọc H, có 03 con. Gia đình có 04 A chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Lan A, sinh năm 1980 tại Hòa B.

Nơi cư trú: xóm Chu, xã Trung M, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B; nghề nghiệp: nguyên điều dưỡng trưởng khoa sơ sinh BVĐK tỉnh Hòa B; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo.

Con ông: Đỗ Trọng A1, con bà Trần Thị G; có chồng là Trần ThA Kiêm, có 02 con. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn ThA H1, sinh năm 1980 tại Hòa B

Nơi cư trú: tổ 7, pH1 Đồng T, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B; Nghề nghiệp: nguyên bác sỹ phó trưởng khoa sơ sinh BVĐK tỉnh Hòa B; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Con ông: Nguyễn Văn A3, con bà Nguyễn Thị D; có chồng là Nguyễn Quang H1 (đã ly hôn), có 01 con. Gia đình có 02 A em bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Tô ThA H2, sinh năm 1963 tại Hòa B

Nơi cư trú: tổ 9, pH1 Đồng T, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B; nghề nghiệp: nguyên bác sỹ, phó trưởng khoa nội tổng hợp BVĐK tỉnh Hòa B; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không.

Con ông: Tô Đức N1, con bà Phạm Thị N2; có chồng là Quách Thiên T, có 02 con. Gia đình có 07 A chị em bị cáo là con thứ 06 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**. Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị:*

- Bị cáo Nguyễn Thị ThA T1
- Bị cáo Phạm Thị B
- Bị cáo Bùi Thị Diệu T2
- Bị cáo Đồng Thu H3

**. Bị hại không kháng cáo:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa B; đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh H - giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc Sơn - phó giám đốc.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:* Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa B. Đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị Hằng - Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng Diệu - Phó giám đốc.

(Các bị cáo, người liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19h00 ngày 12/01/2018, tại nhà riêng của bị cáo Trần Thị Lan A, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hòa B phát hiện, bắt quả tang bị cáo Lan A cùng các đối tượng Lê Thị Chúc và Lê Văn Sáng đang có hành vi mua bán thuốc, vật tư y tế. Điều tra mở rộng vụ án, cơ quan Công an đã xác định được như sau:

1. Tại Khoa sơ sinh, BVĐK tỉnh Hòa B

Khoảng tháng 10 năm 2017, nhận thấy số lượng bệnh nhân nằm viện điều trị nội trú tại Khoa sơ sinh tH1 thấp hơn so với kế hoạch mà Khoa đăng ký với Bệnh viện (20 bệnh nhân/ngày so với kế hoạch đăng ký của Khoa là 30 bệnh nhân/ngày), bị cáo Nguyễn Thị ThA H – trưởng Khoa đã đề ra chủ trương, chỉ đạo và thống nhất với các bác sỹ, điều dưỡng công tác tại khoa sơ sinh về việc nâng khống số ngày điều trị của các bệnh nhân đã ra viện để đạt kế hoạch đề ra. Trong các cuộc họp giao ban Khoa, bị cáo H nhắc lại việc các bác sỹ, điều dưỡng pH chủ động phối hợp với nhau, không để số lượng bệnh nhân dưới mức 20 người/ngày, giữ lại bệnh án của những bệnh nhân đã ra viện nhưng chưa làm thủ tục tổng kết bệnh án để kéo dài thời gian điều trị trong bệnh án, thu lợi từ những ngày điều trị không của các bệnh nhân.

Chủ trương của bị cáo H đã được các bị cáo Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1 và các bác sỹ, điều dưỡng khác trong Khoa sơ sinh gồm: Phạm Thị Hoa, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Tú A, Bùi Thị Xuân, Hoàng Thị Hồng Hạnh, Hoàng Thị Kiều A, Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Như Hoa, Bạch Thị Minh Thúy, Tống Thị ThA Tính, Xa Thị Tú, Nguyễn Thùy Dương (1987), Nguyễn Thùy Dương (1990) tiếp thu ý chí, tích cực thực hiện.

Để thực hiện hợp thức hóa hành vi trên, hàng ngày các bác sỹ vẫn ra y lệnh điều trị; các điều dưỡng hành chính tập hợp y lệnh để lĩnh thuốc, vật tư tiêu hao; điều dưỡng chăm sóc lập các phiếu chăm sóc thể hiện thể hiện bệnh nhân vẫn đang nằm điều trị tại Khoa và được sử dụng thuốc, thủ thuật, vật tư y tế tại Khoa theo đúng nhiệm vụ, công việc hàng ngày của bác sỹ, điều dưỡng. Bên cạnh đó, các điều dưỡng của Khoa sơ sinh cũng tH1 xuyên ký giả chữ ký của bị cáo H, các điều dưỡng khác và chữ ký của người nhà bệnh nhân trong hồ sơ bệnh án. Việc làm này được thống nhất và được sự đồng ý của các cá nhân trong Khoa sơ sinh. Số thuốc và vật tư của những ngày được nâng khống, không có bệnh nhân

sẽ được thu gom lại và giao cho bị cáo Trần Thị Lan A đi bán hoặc các cá nhân khác trong Khoa lấy về sử dụng. Số tiền có được từ việc bán thuốc, vật tư tiêu hao, H chỉ đạo chuyển vào quỹ của Khoa để sử dụng cho các hoạt động chung của Khoa (thăm hỏi, liên hoan, chi ngoại giao, quản lý...).

Với thủ đoạn nêu trên, các bị cáo Nguyễn Thị ThA H và Trần Thị Lan A đã cùng các bác sỹ, điều dưỡng khác của Khoa Sơ sinh đã nâng khống số ngày điều trị từ 01 đến 10 ngày/hồ sơ bệnh án. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa B đã quyết toán đối với 100 bệnh án (387 ngày bị nâng khống). Trong đó:

- Chi phí thực tế của những ngày điều trị cho các bệnh nhân là 918.926.986đ. Bao gồm: tiền thuốc, vật tư y tế là 406.410.486đ; tiền giường là 230.378.100đ; tiền khám bệnh là 624.000đ; tiền xét nghiệm là 80.709.900đ; tiền chuẩn đoán hình ảnh là 5.424.000đ; tiền phẫu thủ thuật là 193.815.500đ; tiền máu và chế phẩm máu là 1.548.000đ; phí chuyển máu là 17.000đ.

- Chi phí điều trị của những ngày bị nâng khống (387 ngày) là 116.185.017đ. Bao gồm: tiền giường là 77.051.700đ, tiền phẫu thủ thuật là 11.421.800đ, tiền thuốc là 16.722.827đ, tiền vật tư y tế là 10.988.690đ. Các đối tượng trong vụ án của Khoa sơ sinh không trực tiếp chiếm hưởng số tiền có được do nâng khống nêu trên mà gián tiếp qua việc lĩnh thuốc, vật tư của ngày khống đem về sử dụng hoặc đem bán để dùng chung trong Khoa, cũng như được hưởng các khoản phụ cấp tăng thêm từ Bệnh viện (phụ cấp phẫu thủ thuật, thưởng của Bệnh viện do duy trì số lượng giường bệnh...).

2. Tại khoa Nội tổng hợp, BVĐK tỉnh Hòa B

Trong năm 2017, các bị cáo Tô ThA H2, Phạm Thị Bắc, Nguyễn Thị ThA Thảo, Đồng Thu Hoài, Bùi Thị Diệu Thuận và các bác sỹ, điều dưỡng khác trong khoa Nội tổng hợp lập khống các bệnh án và nâng khống số ngày điều trị nội trú để trục lợi quỹ BHYT. Thủ đoạn mà các bị cáo và các đối tượng liên quan đã thực hiện như sau: Sử dụng thẻ BHYT của người khác để khám và vào điều trị nội trú tại khoa Nội tổng hợp; bác sỹ làm khống các phiếu khám bệnh, phiếu chỉ định cận lâm sàng, kết quả nội soi, kết quả xét nghiệm cận lâm sàng, tờ điều trị, kê khống đơn thuốc...; các điều dưỡng làm giả các phiếu chăm sóc bệnh nhân để hợp thức hóa số ngày điều trị và diễn biến bệnh. Các bệnh án bị lập khống, phần lớn bệnh nhân không nằm điều trị mà lấy thuốc về nhà tự điều trị. Trên cơ sở các hồ sơ bệnh án khống, các đối tượng lấy thuốc, vật tư y tế của những ngày không có bệnh nhân nằm điều trị về sử dụng với mục đích cá nhân hoặc chuyển cho bị cáo Phạm Thị Bắc, Nguyễn Thị ThA Thảo thu gom, đem

bán kiểm lời. Ngoài ra các đối tượng cũng được hưởng thêm các khoản phụ cấp phẫu thuật, làm thêm của Bệnh viện.

Những thẻ BHYT mà các đối tượng sử dụng đa phần là thẻ bảo hiểm của người nhà, người quen hoặc bệnh nhân đã từng điều trị tại Khoa và được hưởng 95-100% chi phí khám chữa bệnh. Các đối tượng trực tiếp đặt vấn đề với bác sỹ tại khoa Khám bệnh - Nguyễn Thị B là trường hợp của người nhà tới khám và chỉ kể về tình trạng bệnh để được nhập viện mà không cần có người bệnh, không cần đối chiếu thông tin trên thẻ BHYT và thông tin người tới khám. Tại bộ phận giám định bảo hiểm của BVĐK tỉnh Hòa B, các đối tượng thông đồng với Nguyễn Thị H2 Trang - cán bộ phụ trách giám định trực thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp (Trang từng là điều dưỡng khoa Nội tổng hợp) để được giám định hồ sơ. Để thực hiện các chỉ định cận lâm sàng như chụp X-quang, xét nghiệm máu, nội soi..., các đối tượng đưa người khác người có tên trong bệnh án để làm thay, lấy kết quả nội soi của người khác hoặc lấy chính máu của bản thân để thực hiện xét nghiệm thay (bị cáo Phạm Thị Bắc). Bằng các thủ đoạn tinh vi, có hệ thống và diễn ra trong thời gian dài như trên, các bị cáo và các đối tượng liên quan đã làm không sót lọt và đã được BHXH quyết toán cho 21 hồ sơ bệnh án (241 ngày điều trị). Trong đó:

- Chi phí điều trị thực tế cho bệnh nhân là 48.833.755đ.

- Chi phí điều trị của 241 ngày lập không là 157.385.815đ. Bao gồm: tiền giường là 41.213.700đ; tiền xét nghiệm là 2.243.300đ; tiền chẩn đoán hình ảnh là 1.481.600đ; tiền phẫu thuật là 7.834.200đ; tiền khám bệnh là 273.000đ; tiền thuốc và vật tư y tế các đối tượng chiếm hưởng là 104.340.015đ.

Tại bản án số 85/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B đã xét xử quyết định:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, Tô ThA H2, Phạm Thị Bắc, Nguyễn Thị ThA Thảo, Bùi Thị Diệu Thuần và Đồng Thu Hoài phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 38; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị ThA H 15** (mười lăm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

1.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 38; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Lan A 14** (mười bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

1.3. Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 38; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn ThA H1 12** (mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

1.4. Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 38; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Tô ThA H2 15** (mười lăm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/9/2019 bị cáo Trần Thị Lan A và bị cáo Nguyễn ThA H1 kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 01/10/2019 bị cáo Tô ThA H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 02/10/2019 bị cáo Nguyễn Thị ThA H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo. Về nội dung tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị ThA H: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc, hơn nữa bị cáo lại phạm tội với vai trò người đứng đầu. Không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Trần Thị Lan A: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 14 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, đồng phạm. Việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội làm có phần nghiêm khắc. Có căn cứ cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Nguyễn ThA H1: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 12 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, đồng phạm. Việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội làm có phần nghiêm khắc. Có căn cứ cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Tô ThA H2: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc, hơn nữa bị cáo lại phạm tội với vai trò người đứng đầu. Không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Điều 355; Điều 356; điểm đ Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa B theo hướng phân tích như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án này các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm và trong thời hạn luật định các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, Tô ThA H2 có kháng cáo hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại khoa sơ sinh: Trong khoảng thời gian từ 01/11/2017 đến 21/12/2017 khoa sơ sinh BVĐK tỉnh Hòa B đã thực hiện và đã được BHXH tỉnh Hòa B quyết toán 100 hồ sơ bệnh án (387 ngày điều trị nội trú) gây thiệt hại 116.185.017 đồng cho quỹ BHYT. Trông đó: BVĐK tỉnh Hòa B được thụ hưởng 88.473.500 đồng; Các cá nhân trong khoa sơ sinh chiếm hưởng 27.711.517 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị ThA H là người khởi xướng việc gian lận tiền BHYT, với cách thức thực hiện bị cáo nhắc đi nhắc lại nhiều lần với nhân viên tại các cuộc họp giao ban khoa và được cá nhân trong khoa đồng ý thực hiện. Để hợp thức hóa các hồ sơ bệnh án, bị cáo đồng ý cho các bác sỹ, điều dưỡng khoa Sơ dinh được ký giả chữ ký của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo và các cá nhân khác trong khoa Sơ sinh có sự cấu kết chặt chẽ, đồng phạm trong

việc chiếm đoạt BHXH. Trong đó các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn Thị H1 giữ vai trò chính.

[2.2] Tại khoa Nội tổng hợp: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2017 đến ngày 27/12/2017 bị cáo Tô ThA H2 - phó trưởng khoa nội tổng hợp đã thực hiện và đồng ý để các điều dưỡng trong khoa nâng khống số ngày điều trị hoặc lập khống bệnh bán để trục lợi quỹ BHYT, chiếm đoạt thuốc, vật tư y tế dùng cho mục đích cá nhân. Trong đó có 21 hồ sơ bệnh án (241 ngày điều trị) đã được BHXH tỉnh Hòa B quyết toán cho BVĐK tỉnh Hòa B với ố tiền 201.219.570 đồng. Trong đó: Chi phí điều trị thực tế của người bệnh là 48.833.755 đồng; Chi phí 241 ngày lập khống là 157.385.815 đồng. BVĐK thụ hưởng 53.045.800; Cá nhân khoa Nội tổng hợp chiếm hưởng 104.340.015 đồng. Tại khoa nội tổng hợp mặc dù bị cáo Tô ThA H2 và các bị cáo khác không cùng bàn bạc, trao đổi, thống nhất việc trục lợi bảo hiểm y tế cùng với các bác sỹ và điều dưỡng khác. Tuy nhiên các điều dưỡng trong khoa không được hưởng lợi, nhưng do nỗ lực nên giúp sức trong việc hoàn thiện hồ sơ bệnh án để chiếm hưởng số tiền từ BHXH chi trả.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1 và Tô ThA H2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các bị cáo khác, người liên quan và người làm chứng cùng toàn bộ chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức hiểu biết về pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình chỉ đạo thực hiện và thực hiện hành vi nâng khống số bệnh nhân làm giả hồ sơ bệnh án để trục lợi số tiền BHXH nhằm mục đích chi tiêu cá nhân và phục vụ mục đích khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, Tô ThA H2 về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, Tô ThA H2 Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị ThA H: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo với cương vị là Trưởng khoa Sơ sinh, lại

là người trực tiếp khởi sớ và bàn bạc với các cá nhân dưới quyền lập không hồ sơ bệnh án, nâng không số ngày điều trị của bệnh nhân tại bệnh viện để chiếm đoạt tiền BHYT. Bị cáo là người giữ vai trò chính, đầu vụ trong vụ án này, việc bị cáo làm đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 116.185.017 đồng, với cương vị là lãnh đạo khoa sơ sinh lẽ ra bị cáo pH là người ngăn cản nhân viên của mình khi có biểu hiện sai trái, ngược lại bị cáo lại là người khởi xướng, chủ mưu nên bị cáo pH chịu trách nhiệm chính. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã cung cấp thêm được những tình tiết giảm nhẹ mới: có ông nội bị cáo là liệt sỹ, BVĐK tỉnh Hòa B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có công trong việc tố giác tội phạm tại địa phương. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo nhưng không cho bị cáo được hưởng án treo.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Thị Lan A: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 14 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo là điều dưỡng của khoa Sơ sinh, bị cáo là người tiếp nhận ý chí của Nguyễn Thị ThA H tích cực trong việc đôn đốc nhân viên trong khoa thực hiện lập không bệnh án. Bị cáo trực tiếp tham gia làm giấy tờ không 38 bệnh án, gian lận 82 ngày điều trị; Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo hiện tại sức khỏe yếu, pH nuôi hai con nhỏ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thị ThA H, nên bị cáo giữ vai trò đồng phạm, BVĐK tỉnh Hòa B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, luôn chấp hành đầy đủ các quy định tại địa phương, có công việc ổn định, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[3.3] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn ThA H1: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 12 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo là người đã đưa ra các chỉ định, y lệnh không để các điều dưỡng trong khoa sơ sinh thực hiện, bản thân bị cáo trực tiếp lập không 55 bệnh án, gian lận 214 ngày điều trị. Hội đồng xét xử xét thấy không có

căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo không tham gia hướng dẫn, đôn đốc các nhân viên trong khoa thực hiện lập khống và không hưởng lợi số tiền bán thuốc, vật tư y tế của các hồ sơ tham gia lập khống mà chỉ hưởng tiền phụ cấp phẫu thuật nên vai trò của bị cáo thấp hơn vai trò của các bị cáo khác. Hiện tại sức khỏe bị cáo yếu, đang nuôi con nhỏ, BVĐK tỉnh Hòa B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, luôn chấp hành tốt các quy định của địa phương, bị cáo có công việc ổn định, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có căn cứ, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[3.4] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Tô ThA H2: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng khoản 1 Điều 356 xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo được bộ y tế và bộ trưởng Bộ y tế tặng bằng khen năm 2006 và năm 2008; chồng bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo pH điều trị cần người chăm sóc. Tuy nhiên với cương vị là người đứng đầu một khoa, bị cáo đã lợi dụng chức vụ của mình ký khống và đồng ý cho các nhân viên trong khoa lập khống hồ sơ bệnh án để nâng số ngày điều trị chiếm đoạt tiền BHYT, gây thiệt hại cho BHXH tỉnh Hòa B 157.385.815 đồng. Bản thân bị cáo không những không gương mẫu mà còn dung túng cho những hành vi sai trái. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có xuất trình những tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên những tình tiết mới không làm thay đổi bản chất sự việc, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Mức án tòa cấp sơ thẩm quyết định đã có phần xem xét đối với hoàn cảnh của bị cáo, đã thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1 pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Tô ThA H2 pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa B. Cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Tô ThA H2, Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1 phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô ThA H2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tô ThA H2 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị ThA H, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 38, điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị ThA H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1, giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lan A 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Lan A cho UBND xã Trung Minh, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn ThA H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn ThA H1 cho UBND pH1 Đồng Tiến, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Thị Lan A và Nguyễn ThA H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi Hình án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Tô ThA H2 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị ThA H, Trần Thị Lan A, Nguyễn ThA H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/12/2019.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND TP.HB, tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tuấn

